

Số: 673 /TB-TMB

V/v: Thực hiện quyền chi trả cổ tức
bằng tiền năm 2021

Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2022

THÔNG BÁO

(Về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền chi trả cổ tức bằng tiền năm 2021)

Kính gửi: Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

Tên Tổ chức phát hành: CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THAN
MIỀN BẮC - VINACOMIN

Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THAN MIỀN BẮC -
VINACOMIN

Trụ sở chính: Số 5, phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh
Xuân, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.38642793

Fax: 024.38642792

**Chúng tôi thông báo đến Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
(VSD) ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách người sở hữu cho chứng
khoán sau:**

Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc-
Vinacomin

Mã chứng khoán: TMB

Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá giao dịch: 10.000 đồng/cổ phần

Sàn giao dịch: HNX

Ngày đăng ký cuối cùng: Ngày 31 tháng 5 năm 2022

1. Lý do và mục đích:

Thực hiện quyền chi trả cổ tức bằng tiền năm 2021

2. Nội dung cụ thể:

Tổ chức chi trả cổ tức, lợi tức bằng tiền năm 2021:

- Tỷ lệ thực hiện: 15%/ cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 1.500 đồng)

- Ngày thanh toán: Ngày 16/6/2022

- Địa điểm thực hiện:

+ Đối với chứng khoán lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức tại các
Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký.



+ Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục nhận cổ tức tại: Trụ sở Công ty, Số 5, phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội hoặc chuyển khoản (vào các ngày làm việc trong tuần) bắt đầu từ ngày 16/6/2021 và xuất trình chứng minh nhân dân.

Đề nghị VSD lập và gửi cho Công ty chúng tôi danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng nêu trên vào địa chỉ sau:

- Địa chỉ nhận Danh sách (bản cứng): Số 5, phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

- Địa chỉ email nhận file dữ liệu: thanmbac@gmail.com

Chúng tôi cam kết những thông tin về người sở hữu trong danh sách sẽ được sử dụng đúng mục đích và tuân thủ các quy định của VSD. Công ty chúng tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có vi phạm.

Nơi nhận:

- Như trên;
- SGDCK Hà Nội;
- HĐQT, BKS (e copy, b/c);
- TGD, PTGD (e-copy);
- Trang web: <http://thanmienbac.vn>
- Phòng TCKT: cims SGD, IDS UBCKNN (e-copy);
- Lưu VT, Thư ký Cty.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngô Quang Trung

* Tài liệu gửi kèm:

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26/4/2022.

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THAN MIỀN BẮC-VINACOMIN

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THAN MIỀN BẮC-VINACOMIN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CPKD than Miền Bắc - Vinacomin;
Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty ngày 26/4/2022;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc tổng kết hoạt động SXKD năm 2021, kế hoạch SXKD năm 2022 với các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Kết quả SXKD trong năm 2021:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	TH/KH (%)
1	Các chỉ tiêu hiện vật				
1.1	Than nhập khẩu	Tấn	0	0	
	<i>Tr.đó: Than nhập khẩu để pha trộn</i>	"	0	0	
1.2	Than tiêu thụ	Tấn	6.000.000	6.584.620	110
	<i>Tr.đó: - Than pha trộn giao TKV bán hộ Điện</i>	"		4.254.580	
	<i>- Than giao lại TKV bán hộ Dạm, khác</i>	"		290.993	
	<i>- Than tự doanh</i>	"		2.039.047	
2	Doanh thu tổng số:	Tr.đồng	10.552.792	11.028.902	105
a	Doanh thu than	"	10.481.792	10.939.819	
b	Doanh thu dịch vụ hộ lớn	"	50.000	64.914	
c	Doanh thu kinh doanh khác	"	21.000	24.169	
3	Giá vốn mua vào của hàng bán ra	Tr.đồng	12.608.123	10.384.766	82
4	Giá trị sản xuất (Lãi gộp)	Tr.đồng	914.510	644.136	70
5	Giá trị sản xuất tính lương (trừ thuê ngoài)	Tr.đồng	410.799	361.763	88
6	Thu nhập, chi phí tài chính:	Tr.đồng	-	-	
6.1	Thu nhập tài chính:	"	-	92	
6.2	Chi phí tài chính:	"	-	34.959	



Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	TH/KH (%)
	<i>Trong đó: - Lãi vay</i>	"		30.054	
	Lãi (lỗ) từ hoạt động tài chính	"		(34.867)	
7	Thu nhập, chi phí khác:	Tr.đồng	-		
7.1	Thu nhập khác	"		7.344	
7.2	Chi phí khác	"		7.519	
	Lãi (lỗ) từ hoạt động khác	"		(175)	
8	Chi phí SXKD:	Tr.đồng	816.057	530.957	65
8.1	Chi phí trung gian:	"	689.322	407.537	
	<i>Trong đó: Chi phí thuê ngoài:</i>	"	525.880	282.373	
8.2	Giá trị gia tăng (GDP):	"	126.735	123.420	
	- Khấu hao tài sản	"	12.013	7.855	
	- Tiền lương	"	95.222	98.836	
	- Quỹ lương người lao động	"	93.141	96.265	
	- Quỹ lương viên chức quản lý	"	2.381	2.571	
	- Bảo hiểm; Thù lao HĐQT, BKS	"	9.200	10.639	
	- Thuế (trong giá thành)	"	10.000	6.090	
9	Tổng lợi nhuận	Tr.đồng	54.000	78.136	145
10	Nộp ngân sách:	Tr.đồng	Theo qui định	40.839	
11	Đơn giá tiền lương (không bao gồm lương người quản lý)	Đ/1000đ GTSX	266,1	266,1	100
12	Lao động bình quân:	Người	665	638	96
	- Lao động	"	659	632	
	- VCQL	"	6	6	
13	Thu nhập bình quân:				
	- Tiền lương BQ chung toàn DN	đ/ng/th	11.970.000	12.909.664	108
	- Tiền lương BQ người lao động	đ/ng/th	11.778.000	12.693.221	108
	- Tiền lương BQ VCQL	đ/ng/th	33.069.000	35.708.333	108
14	Vốn chủ sở hữu:	Tr.đồng		285.638	
15	Vốn vay ngắn hạn	Tr.đồng		424.000	
16	Hệ số Nợ phải trả/Vốn CSH	Lần		2,54	
17	Hệ số Nợ phải trả/Vốn Điều lệ	Lần		4,83	
18	Đầu tư XD CB (bao gồm thuế VAT)	Tr.đồng	9.923	6.903	70
19	Tỷ lệ trả cổ tức	%	≥ 7,0	15,0	214

1.2. Kế hoạch SXKD năm 2022:

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
1	Chỉ tiêu sản lượng			
1.1	Than nhập khẩu	Tấn	1.700.000	

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
1.2	Than tiêu thụ, trong đó:	Tấn	8.325.000	
	- Than pha trộn giao TKV để bán hộ Điện	Tấn	5.850.000	
	- Than giao lại TKV để bán hộ Đạm, XM, Catalan	Tấn	475.000	
	- Than tự doanh	Tấn	2.000.000	
1.3	Than nhập mua của TKV về tuyển nâng cấp	Tấn	534.000	
2	Doanh thu tổng số:	Tr.đồng	14.850.701	
2.1	Doanh thu than	"	14.779.701	
2.2	Doanh thu dịch vụ hộ lớn	"	50.000	
2.3	Doanh thu kinh doanh khác	"	21.000	
3	Giá vốn mua vào của hàng bán ra	Tr.đồng	13.906.317	
3.1	Kinh doanh than	"	13.896.317	
3.2	Kinh doanh khác	"	10.000	
4	Giá trị sản xuất	Tr.đồng	944.384	
4.1	Kinh doanh than	"	883.384	
4.2	Dịch vụ giao than hộ lớn	"	50.000	
4.3	Kinh doanh khác	"	11.000	
5	Chi phí vận chuyển, bốc xếp bán hàng thuê ngoài	Tr.đồng	528.085	
5.1	Kinh doanh than	"	522.085	
5.2	Chi phí giao nhận than hộ lớn	"	-	
5.3	Kinh doanh khác	"	6.000	
6	Giá trị sản xuất tính lương (trừ thuê ngoài)	Tr.đồng	416.299	
6.1	Kinh doanh than	"	361.299	
6.2	Dịch vụ giao than hộ lớn	"	50.000	
6.3	Kinh doanh khác	"	5.000	
7	Tổng chi phí SXKD trong kỳ:	Tr.đồng	819.384	
7.1	Chi phí trung gian:	"	679.605	
	<i>Tr.đó: Chi phí V/C, bốc xúc bán hàng thuê ngoài:</i>	"	528.085	
7.2	Giá trị gia tăng (GDP):	"	139.779	
	- Khấu hao tài sản	"	10.216	
	- Tiền lương		105.000	
	+ Quỹ lương người lao động	"	102.600	
	+ Quỹ lương viên chức quản lý	"	2.400	
	- Bảo hiểm; Thù lao HĐQT, BKS	"	10.200	
	- Thuế (trong giá thành)	"	14.363	
8	Tổng lợi nhuận:	Tr.đồng	60.000	
9	Các chỉ tiêu hướng dẫn về lao động tiền lương		Theo chế độ	
9.1	Đơn giá tiền lương: (GTSX không gồm thuê ngoài)	đ/1000đ	246	
9.2	Lao động bình quân	Người	665	

✓

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
	<i>Trong đó: Người lao động</i>	<i>Người</i>	659	
	<i>Viên chức quản lý (VCQL)</i>	<i>Người</i>	6	
9.3	Tiền lương bình quân	đ/ng/th	13.158.000	
	- Tiền lương BQ chung toàn DN	đ/ng/th	13.158.000	
	- Tiền lương BQ người lao động	đ/ng/th	12.974.000	
	- Tiền lương BQ VCQL	đ/ng/th	33.333.000	
10	Nộp ngân sách:	Theo qui định hiện hành		
11	Đầu tư XDCB	Tr.đồng	14.497	
12	Tỷ lệ trả cổ tức	%/VDL	≥ 10	

Trong đó:

- Kế hoạch Đầu tư xây dựng chi tiết theo Thông báo số 6155/TKV-ĐT ngày 30/12/2021 của Tập đoàn CN Than – Khoáng sản Việt Nam.

- Giá trị sản xuất (GTSX) tính lương là GTSX không bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp thuê ngoài khâu bán hàng.

- Doanh thu khác kế hoạch năm 2022 bao gồm: Các sản phẩm ngoài than, bán buôn kim loại và quặng kim loại, vật liệu xây dựng...(các ngành nghề theo Điều lệ Công ty)

Điều 2: Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2021; Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2021.

2.1. Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2021 với các chỉ tiêu chính sau:

- Tổng tài sản : 1.010.851.070.950 đồng

- Tổng nguồn vốn : 1.010.851.070.950 đồng

Trong đó:

+ Vốn đầu tư của Chủ sở hữu : 150.000.000.000 đồng (Vốn điều lệ)

+ Vốn khác của Chủ sở hữu : 9.411.362.714 đồng

+ Quỹ đầu tư phát triển : 34.612.900.327 đồng

+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối : 91.614.063.521 đồng

2.2. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2021, cụ thể:

Su	Nội dung	Số tiền (Tr.đồng)
1	Lợi nhuận chưa phân phối năm 2020 chuyển sang	30.488
2	Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2021	78.136
3	Chi phí loại trừ không được tính vào chi phí tính thuế	6.914
	- Các khoản chi phí loại trừ	6.914
	- Chi phí tài chính vượt theo NĐ 132/NĐ-CP năm 2021	0
4	Tổng lợi nhuận tính thuế TNDN năm 2021	85.051
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) năm 2021 (20%)	17.010
6	Lợi nhuận năm 2021 còn lại sau thuế	61.126
7	Trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu (15% vốn điều lệ)	22.500

8	Phần lợi nhuận năm 2021 còn lại sau khi chi trả cổ tức cho CĐ	38.626
9	Trích Quỹ đầu tư phát triển (30% lợi nhuận sau thuế năm 2021)	18.338
10	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (bằng 1,5 lần tháng lương thực hiện của Người lao động Công ty năm 2021): - Quỹ khen thưởng (40%): - Quỹ phúc lợi (60%):	12.033 4.813 7.220
11	Trích Quỹ thưởng Người quản lý (Bằng 01 lần tháng lương thực hiện của Người quản lý Công ty năm 2021)	214
12	Phần lợi nhuận lũy kế còn lại chưa phân phối sau khi trả cổ tức, trích lập các quỹ chuyển sang năm sau	38.529

Điều 3: Thông qua Báo cáo mức chi trả thù lao, tiền lương và các lợi ích khác đối với HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2021; Kế hoạch chi trả thù lao, tiền lương và các lợi ích khác đối với HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2022.

3.1. Thông qua mức chi trả thù lao, tiền lương và các lợi ích khác đối với thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2021:

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2021 ngày 23/4/2021, mức thù lao cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát Công ty hàng tháng được tính bằng 20% mức lương cơ bản đối với Người quản lý chuyên trách tương ứng (áp dụng theo Điều 14 Quy chế quản lý người đại diện của TKV ban hành theo Quyết định số 2338/QĐ-TKV ngày 31/12/2020 của TKV).

Tiền thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2021 như sau:

STT	Chức danh	Số lượng thành viên	Mức chi trả thù lao, tiền lương và các lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty
1	Chủ tịch HĐQT	01 người	25.700.000 đ x 20% = 5.140.000 đồng/tháng
2	Thành viên HĐQT	04 người	21.900.000 đ x 20% = 4.380.000 đồng/tháng
3	Trưởng Ban kiểm soát	01 người	22.900.000 đồng/tháng (Hưởng lương chuyên trách, không có thù lao)
4	Thành viên BKS	02 người	21.900.000 đ x 20% = 4.380.000 đồng/tháng
5	Thư ký Công ty	01 người	21.900.000 đ x 20% = 4.380.000 đồng/tháng

Tổng số tiền thù lao được hưởng của năm 2021 là: 429.600.000 đồng.

3.2. Thông qua kế hoạch chi trả thù lao, tiền lương và các lợi ích khác đối với HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2022, cụ thể như sau:

STT	Chức danh	Số lượng thành viên	Mức chi trả thù lao, tiền lương và các lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty
1	Chủ tịch HĐQT	01 người	25.700.000 đ x 20% = 5.140.000 đồng/tháng
2	Thành viên HĐQT	03 người	21.900.000 đ x 20% = 4.380.000 đồng/tháng

3	Thành viên HĐQT độc lập	01 người	21.900.000 đồng/tháng (Hưởng phụ cấp theo hướng dẫn tại Quyết định số 1803/QĐ-TKV ngày 28/12/2021)
4	Trưởng Ban kiểm soát	01 người	22.900.000 đồng/tháng (Hưởng lương chuyên trách theo hướng dẫn tại Quyết định số 1387/QĐ-TKV ngày 29/7/2019)
5	Thành viên BKS	02 người	21.900.000 đ x 20% = 4.380.000 đồng/tháng
6	Thư ký Công ty	01 người	21.900.000 đ x 20% = 4.380.000 đồng/tháng

Tổng mức chi trả thù lao, tiền lương và các lợi ích khác đối với HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2022 dự kiến là: 844.560.000 đồng

Điều 4: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát thẩm định kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021, thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021; Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021.

Đại hội đánh giá nội dung Báo cáo là đúng, sát thực và chỉ ra những vấn đề trọng tâm, một số tồn tại sau khi kiểm toán của Công ty cần được chỉnh sửa cho phù hợp.

Đại hội nhất trí thông qua nội dung Báo cáo của Ban kiểm soát thẩm định kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021, thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021; Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021.

Điều 5: Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2022.

Đại hội nhất trí lựa chọn Công ty TNHH PKF Việt Nam là Công ty kiểm toán nằm trong danh sách được Bộ Tài Chính công nhận đủ điều kiện kiểm toán chấp nhận toàn phần cho các Công ty niêm yết, đã có kinh nghiệm kiểm toán trong Ngành Than để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2022

Điều 6: Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT Công ty năm 2021.

Đại hội đánh giá hoạt động của HĐQT năm 2021 là tốt. HĐQT đã quản lý, điều hành Công ty phù hợp với các quy định của Nhà nước, của TKV và Điều lệ Công ty. HĐQT đã tập trung lãnh đạo thực hiện tốt các mục tiêu chiến lược đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2021 thông qua, tổ chức triển khai thực hiện tốt trên các lĩnh vực quản lý, điều hành sản xuất nên đã tạo ra sự ổn định, đồng bộ trong SXKD, phù hợp với thực tiễn, đảm bảo kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh từ công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 đến các mặt hoạt động SXKD.

Đại hội nhất trí thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT Công ty năm 2021.

Điều 7: Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin:

Đại hội nhất trí thông qua ban hành các Quy chế: Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty phù hợp với các Quy chế mẫu được quy định tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính theo tờ trình tại Đại hội.

Điều 8: Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT được chủ động quyết định thay đổi kế hoạch SXKD năm 2022 theo kế hoạch phối hợp kinh doanh của TKV điều chỉnh phù hợp với diễn biến thực tế của thị trường và môi trường kinh doanh.

Đại hội nhất trí ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty được chủ động quyết định thay đổi kế hoạch SXKD năm 2022 theo kế hoạch phối hợp kinh doanh của TKV điều chỉnh phù hợp với diễn biến thực tế của thị trường và môi trường kinh doanh.

Điều 9: Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT quyết định ký kết hợp đồng, giao dịch với những người quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp.

Đại hội nhất trí thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty như sau:

9.1 Được chủ động quyết định các hợp đồng, giao dịch ghi tại mục (r), (s) của khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty và mục (b) của khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020;

9.2 Được ủy quyền lại cho Tổng giám đốc Công ty chủ động quyết định các hợp đồng, giao dịch ghi tại mục (r), (s) của khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty và mục (b) của khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

Điều 10: Đại hội công nhận kết quả bầu cử thành viên HĐQT, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ IV (2022-2027) do Ban kiểm phiếu và Thư ký Công ty công bố tại Đại hội.

9.1 Danh sách trúng cử HĐQT Công ty nhiệm kỳ IV (2022-2027):

1. Ông Phạm Tuấn Ngọc – Chủ tịch HĐQT Công ty
2. Ông Ngô Quang Trung – Thành viên HĐQT
3. Ông Nguyễn Minh Hải – Thành viên HĐQT
4. Ông Phạm Ngọc Bảo – Thành viên HĐQT
5. Ông Đinh Công Nga – Thành viên độc lập HĐQT

9.2 Danh sách trúng cử Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ IV (2022-2027):

1. Bà: Đặng Thị Hải Hà – Trưởng Ban kiểm soát Công ty
2. Bà: Cao Thị Nhung – Thành viên BKS
3. Bà: Bùi Thị Phương Thảo – Thành viên BKS

Điều 11: Điều khoản thi hành

- Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin năm 2022 biểu quyết thông qua toàn văn và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua.

- Các cổ đông, thành viên HĐQT Công ty, thành viên Ban kiểm soát Công ty, các phòng ban và đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành nghị quyết này và tổ chức triển khai theo thẩm quyền, chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Nơi nhận:

- UBCKNN, Sở GDCKHN, VSD;
- Các cổ đông (TKV, khác);
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Các phòng TMB; KTNB; Pháp chế;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Văn phòng TH (Đăng trang Website);
- Lưu VT, Thư ký Cty.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Phạm Tuấn Ngọc